TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HS-ST
Ngày 27 - 3 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng
Các Hội thẩm nhân dân : Ông Trịnh Văn Thọ
Ông Bùi Thanh Bình
- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Hồng Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa*:*
Ông Trịnh Đăng Hiệp - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 3 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 14/2019/TLST - HS ngày 31 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2019/HSST - QĐ ngày 27/02/2019 đối với bị cáo: Đỗ Văn T ; Sinh ngày 12 tháng 6 năm 1987 tại xã X , huyện T , tỉnh T ; Nơi cư trú: Thôn Q xã X , huyện T , tỉnh T ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ Văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn T và bà Trần Thị D ; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 1; Vợ: Lê Thị H ; Có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.
Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/3/2018 đến nay.

- Người bào chữa cho bị cáo:

1. Ông Lê Như T - Công ty luật THHH Năm Châu - Đoàn luật sư tỉnh T ;
2. Ông Lê Minh C - Văn phòng luật sư số 6 - Đoàn luật sư Thành Phố H

Địa chỉ: Số 12, ngõ 11 đường N , phường H, quận H, Thành Phố H

- ***Bị hại:*** Anh Đặng Quang H , sinh năm 1983. Có mặt
Địa chỉ: Thôn 3 xã X , huyện T , tỉnh T .

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại:
Ông Lê Ngọc T - Công ty luật Hợp Danh - Đoàn luật sư tỉnh T

- Người làm chứng:

1. Chị Nguyễn Thị Thu L - sinh năm 1964. Có mặt
2. Anh Phùng Khắc L , sinh năm 1990. Có mặt

3. Bà Lê Thị T , sinh năm 1958. Có mặt

Đều trú tại: Thôn 3 xã X , huyện T , tỉnh T .

4. Anh Tạ Văn T - sinh năm 1973. Có mặt

Địa chỉ: Thôn 4 xã X , huyện T , tỉnh T .

5. Anh Lê Xuân H , sinh năm 1995. Có mặt

Địa chỉ: Thôn Q xã X , huyện T , tỉnh T

6. Chị Nguyễn Thị H , sinh năm 1977. Có mặt

7. Anh Nguyễn Văn V , sinh năm 1974. Có mặt

8. Chị Lê Thị Đ , sinh năm 1954. Có mặt

9. Anh Phùng Ngọc T , sinh năm 1982.Có mặt

10. Anh Đỗ Quang T sinh năm 1974. Có mặt

11. Chị Trần Thị D , sinh năm 1964. Có mặt

12. Anh Lê Văn T , sinh năm 1968. Có mặt

13. Anh Nguyễn Văn T , sinh năm 1972. Có mặt

14. Cháu Hồ Sỹ Đức A , sinh năm 2004. Có mặt

15. Chị Đỗ Thị T , sinh năm 1976. Vắng mặt

16. Anh Hồ Sỹ H , sinh năm 1974. Có mặt

17. Anh Nguyễn Hùng P , sinh năm 1991. Có mặt

18. Chị Nguyễn Thị L , sinh năm 1995. Có mặt

19. Anh Phạm Văn T , sinh năm 1989. Vắng mặt

20. Anh Trần Đức T , sinh năm 1973. Văng mặt

21. Chị Mai Thị D , sinh năm 1982. Vắng mặt

22. Chị Bùi Thị S , sinh năm 1978. Có mặt

23. Chị Trần Thị Lan H , sinh năm 1985. Có mặt

24. Anh Đỗ Văn L , sinh năm 1987. Có mặt

25. Anh Trần Duy H , sinh năm 1983. Có mặt

26. Ông Trần Anh D , sinh năm 1956.Có mặt

27. Ông Nguyễn Quốc K , sinh năm 1958. Có mặt

28. Anh Trịnh Văn T , sinh năm 1984. Vắng mặt

29. Nguyễn Thị H , sinh năm 1973. Có mặt

Đều trú tại: Thôn Q xã X , huyện T , tỉnh T .

30. Anh Nguyễn Văn K , sinh năm 1985. Có mặt

Trú tại: Thôn H xã T , huyện T , tỉnh T

31. Anh Nguyễn Xuân H , sinh năm 1974. Vắng mặt

Trú tại: Thôn M xã X , huyện T , tỉnh T .

32. Anh Nguyễn Thanh T , sinh năm 1980. Vắng mặt

Trú tại: Thôn Q xã X , huyện T , tỉnh T

33. Chị Lê Thị H , sinh năm 1985. Có mặt

Trú tại: Thôn 6 xã X , huyện T , tỉnh T .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Khoảng 08 giờ ngày 26/11/2017 Đặng Quang H cùng với mẹ đẻ là bà Nguyễn Thị Thu L và dì là Nguyễn Thị H đi đến chợ cóc thuộc thôn Q xã X tìm chị Lê Thị H là người bán rau ở chợ để nói chuyện về việc H đưa thông tin lên mạng xã hội nói xấu bà L . Khi gặp nhau giữa bà L , H, Hi và H sảy ra sô xát, cãi nhau. Lúc đó Đỗ Văn T đi qua thấy vậy liền chửi bới bà L và cầm xẻng đánh nhau với H nhưng được mọi người can ngăn nên sau đó ai về nhà nấy.

Đến khoảng 10h cùng ngày H đi đến nhà Nguyễn Văn K và rủ K đến nhà Đỗ Văn T để giải quyết mâu thuẫn. K điều khiển xe máy chở H ngồi sau đến nhà Đỗ Văn T . Khi đi cách nhà T khoảng 10m thì H xuống xe, tay cầm một thanh tuýp sắt dài khoảng 80cm, đường kính khoảng 02cm chạy vào nhà T . Hai bên sảy ra xô sát, T cầm một thanh kiếm dài khoảng 80cm đánh nhau với H . Hai bên dùng gậy sắt và kiếm đánh nhau, khi cách nhà T khoảng 10 m thì H vấp ngã, T đè lên H , hai bên vật lộn một lúc thì T vùng dậy tiếp tục dùng kiếm chém H từ trên xuống, H giơ tay trái lên đỡ thì T chém trúng vào cẳng tay, H đứng lên bỏ chạy thì T chém tiếp vào lưng. Nhìn thấy H máu chảy ra nhiều T không đuổi theo đánh H nữa mà bỏ lại thanh kiếm đi vào nhà. Lúc bỏ chạy H vứt lại thanh gậy sắt. Khi H chạy ra đến gần đường quốc lộ thì bất tỉnh ngã sụp xuống đường. H được đưa đến Bệnh viện huyện T cấp cứu sau đó chuyển bệnh viện đa khoa N và bệnh viện 108 điều trị. Ngày 01/12/2018 H ra viện.

Cơ quan điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định trưng cầu giám định thương tích đối với anh Đặng Quang H .

Tại bản kết luận giám định pháp y số 44/2018/TTPY ngày 01/02/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh T kết luận: Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 32%.

Tại bản kết luận giám định pháp y bổ sung về cơ chế hình thành thương tích số 45/2018/TTPY ngày 01/02/2018 của Trung tâm pháp y tỉnh T kết luận:

Vết thương mặt trước trong 1/3 dưới cẳng tay trái dài 05cm đã khâu kín(Đứt bó mạch thần kinh trụ, gân gấp nông sâu của ngón 2,3,4,5) do tác động của ngoại lực; tạo nên bởi vật có cạnh sắc; gây đứt cơ, mô mềm

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại sức khỏe gồm:

- Tiền thuốc điều trị 12.738.000đ
- Viện phí 108 là 12.000.000đ
- Viện phí bệnh viện Ngọc lặc 4.118.000đ
- Viện phí theo biên lai 2.477.000đ
- Tiền phục hồi chức năng 2.000.000đ
- Tiền xe đi lại 16.700.000đ
- Tiền mổ theo yêu cầu 4.000.000đ

- Tiền mất thu nhập của người chăm sóc 9 ngày x 200.000đ = 1.800.000đ
- Tiền mất thu nhập của bệnh nhân 9 ngày x 400.000đ = 3.600.000đ
- Tiền mất thu nhập bệnh nhân 03 tháng x 12.000.000đ = 36.000.000đ
- Tiền tổn thất tinh thần 30 tháng lương cơ sở = 40.500.000đ

Tổng = 145.933.000đ

Ngày 22/02/2019 gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 8.000.000đ bồi thường thiệt hại cho người bị hại tại chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Vật chứng của vụ án là một thanh kiếm dài khoảng 80cm T dùng để chém H , sau khi gây thương tích cho H thì T đã ném lại hiện trường. Cơ quan Công an đã truy tìm vật chứng nhưng không thu được. Đối với vật chứng là 01 thanh sắt dạng ống tuýp đường kính 02cm, dài 86cm do T giao nộp hiện đang quản lý theo quy định pháp luật.

Cáo trạng số 63/CT - VKS ngày 06/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố bị cáo Đỗ Văn T về tội: "Cố ý gây thương tích" theo điểm c khoản 3 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T phạm tội: " Cố ý gây thương tích".
Đề nghị áp dụng điểm c khoản 3 điều 134, điểm s khoản 1, 2 điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự; Đề nghị xử phạt bị cáo Đỗ Văn T từ 05(Năm) năm 06(Sáu) tháng đến 06(Sáu) năm tù; Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho người bị hại các khoản chi phí hợp lý gồm: Tiền chi phí điều trị, tiền chụp chiếu siêu âm, tiền xe, tiền mất thu nhập bệnh nhân, mất thu nhập người chăm sóc và tổn thất tinh thần tổng từ 85.000.000đ đến 96.000.000đ; Buộc bị cáo chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định pháp luật; Đề nghị xử lý vật chứng theo quy định pháp luật. Bị hại được nhận số tiền 8.000.000đ bồi thường thiệt hại đã nộp tại chi cục Thi hành án T .

Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận gì, bị cáo đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo T phát biểu ý kiến: Đề nghị HĐXX trả hồ sơ để điều tra bổ sung; Đề nghị giám định lại tỉ lệ tổn thương cơ thể đối với người bị hại; Đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội tự nguyện sửa chữa bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 51 BLHS.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháo của người bị hại phát biểu ý kiến: Đề nghị HĐXX trả hồ sơ để điều tra bổ sung vì có đồng phạm khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra; Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đều phản ánh thống nhất khách quan: Vào khoảng 10h 00 phút ngày 26/11/2017 bị cáo Đỗ Văn T đã có hành vi dùng một thanh kiếm dài khoảng 80cm gây thương tích với tỉ lệ tổn thương cơ thể 32%(Ba mươi hai phần trăm) sức khoẻ cho anh H . Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội: "Cố ý gây thương tích". Phương tiện dùng vào việc phạm tội là thanh kiếm dài khoảng 80cm được xem là hung khí nguy hiểm. Bị cáo đã dùng hung khí nguy hiểm gây thương tích cho người bị hại với tỉ lệ tổn thương cơ thể 32% nên bị cáo phải chịu tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm c khoản 3 điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Vì vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo Đỗ Văn T phạm tội: "Cố ý gây thương tích" theo điểm c khoản 3 điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Cáo trạng số 63/CT - VKS ngày 06/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét về tính chất mức độ nghiêm trọng của vụ án thì HĐXX thấy rằng: Đây là vụ án có tính chất rất nghiêm trọng.

Xét về mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo thì HĐXX thấy rằng: Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo nhận thức rõ về hành vi dùng kiếm chém người khác sẽ gây thương tích cho nạn nhân nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến sức khoẻ của công dân. Tính mạng và sức khoẻ của con người là vốn quý được pháp luật bảo vệ nhưng bị cáo đã coi thường sức khoẻ của người khác, bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy cần phải xử phạt bị cáo thật nghiêm minh.

Vì vậy HĐXX áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, bắt bị cáo cách ly xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Tuy nhiên khi xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo nên bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 điều 51 BLHS; Gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường được một phần nhỏ thiệt hại nên bị cáo được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS. Vì vậy HĐXX sẽ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX áp dụng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội tự nguyện sửa chữa bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm b khoản 1 điều 51 BLHS nhưng HĐXX xét thấy số tiền 8.000.000đ gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại chưa đủ ½ mức

thiệt hại nên HĐXX không chấp nhận đề nghị của người bào chữa cho bị cáo, HĐXX cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ khác quy định tại khoản 2 điều 51 BLHS là phù hợp.

Người bào chữa cho bị cáo và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại đề nghị HĐXX trả hồ sơ để điều tra bổ sung nhưng HĐXX xét thấy: Tại Quyết định số 07/2018/HSST ngày 05/12/2018 Tòa án nhân dân huyện T đã trả Hồ sơ để điều tra bổ sung; Cơ quan điều tra đã điều tra bổ sung khắc phục 1 số vi phạm thủ tục tố tụng và điều tra bổ sung về việc có đồng phạm khác hay không. Quá trình điều tra bổ sung chưa đủ căn cứ để khởi tố đối với đồng phạm khác. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau. Vì vậy HĐXX không chấp nhận đề nghị của Người bào chữa cho bị cáo và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại.

[II] Về trách nhiệm bồi thường: Xét yêu cầu bồi thường thiệt hại về sức khỏe của người bị hại là anh Đặng Quang H thì HĐXX thấy rằng:

Anh H yêu cầu tiền thuốc điều trị là 12.738.000đ nhưng theo hóa đơn xuất trình thì số tiền thuốc theo đơn hợp lệ là 7.919.000đ nên HĐXX chỉ chấp nhận yêu cầu của anh H về số tiền thuốc là 7.919.000đ.

Anh H yêu cầu tiền Viện phí tại bệnh viện 108 là 12.000.000đ; Viện phí bệnh viện Ngọc lặc 4.118.000đ; Viện phí theo biên lai 2.477.000đ, tổng = 18.595.000đ nhưng theo bảng kê khai chi phí khám chữa bệnh nội trú và các hóa đơn giao nộp thì tổng chi phí tại bệnh viện Ngọc Lặc = 2.350.000đ và Chi phí tại bệnh viện 108 là 10.926.500đ, ngoài ra thu viện phí có hóa đơn 1.950.000đ tổng = 15.226.000đ nên HĐXX chỉ chấp nhận yêu cầu của anh H về số tiền viện phí tại Bệnh viện 108, bệnh viện Ngọc Lặc và chi phí xét nghiệm, siêu âm, khám lại tổng là 15.226.0000đ.

Yêu cầu về tiền xe đi lại 16.700.000đ nhưng theo hợp đồng thuê xe do bị hại xuất trình là 15.400.000đ nên HĐXX chấp nhận số tiền xe phù hợp với quãng đường từ xã Xuân Bái đi bệnh viện huyện Thường Xuân đến Bệnh viện 108 Hà Nội và về bệnh viện Ngọc Lặc, Bái Thượng; Tiền xe từ Xuân Bái đi bệnh viện Ngọc Lặc rút chỉ; Tiền xe từ Xuân Bái đi Sầm Sơn phục hồi chức năng, tổng = 15.400.000đ

Đối với Tiền mổ theo yêu cầu 4.000.000đ nhưng không có hóa đơn nên HĐXX không chấp nhận.

Đối với yêu cầu về số tiền phục hồi chức năng tại Sầm Sơn là 2.000.000đ thì HĐXX thấy rằng: Theo Giấy ra viện thì sau khi ra viện người bị hại phải phục hồi chức năng nên HĐXX chấp nhận yêu cầu phục hồi chức năng nhưng với tiền là 761.432đ theo hóa đơn hợp lệ.

Đối với yêu cầu về thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc trong thời gian 09 ngày x 200.000đ = 1.800.000đ là phù hợp với mức thu nhập trung bình của lao động phổ thông ở địa phương nên HĐXX căn cứ vào điểm b, c khoản 1 điều 590 Bộ luật dân sự chấp nhận.

Đối với yêu cầu về thu nhập thực tế bị mất của người bị thiệt hại trong thời gian điều trị 09 ngày và thời gian 03 tháng sau khi xuất viện với mức lương 12.000.000đ/ tháng thì HĐXX thấy rằng: Anh H điều trị tại bệnh viện 09 ngày thì ra viện nhưng sau khi ra viện do mổ nối gân gấp đứt bó mạch thần kinh trụ tay trái nên chưa thể lao động làm việc được và phải tập phục hồi chức năng nên HĐXX chấp nhận thời gian sau khi ra viện phục hồi sức khỏe là 02 tháng. Anh H được bổ nhiệm chức danh phó giám đốc Công ty THHH xây dựng và vận tải Hiếu Liên nên theo bảng lương của Công ty mức lương của anh H là 8.000.000đ do đó thu nhập thực tế bị mất của anh Hiếu là 02 tháng 09 ngày (69 ngày) = 18.394.000đ.

Đối với yêu cầu về tổn thất tinh thần với mức 30 lần mức tối thiểu là quá cao nên HĐXX căn cứ khoản 2 điều 590 Bộ luật dân sự chấp nhận bù đắp tổn thất tinh thần đối với tổn hại 32% sức khỏe là 18 lần mức lương cơ sở tại thời điểm hiện tại là: 1.390.000đ x 18 = 25.020.000đ.

Vì vậy các chi phí hợp lý và thực tế bị cáo phải bồi thường cho người bị hại gồm: Tiền thuốc điều trị 7.919.000đ; Viện phí 15.226.0000đ; Tiền xe 15.400.000đ; Thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc 1.800.000đ; Thu nhập thực tế bị mất của người bị hại 18.394.000đ; Phục hồi chức năng là 761.432đ; Bù đắp tổn thất tinh thần là 25.020.000đ; Tổng = 84.520.000đ. Gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 8.000.000đ bồi thường cho bị hại, số tiền còn lại 76.520.000đ. HĐXX buộc bị cáo bồi thường tiếp cho bị hại

[IV] về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng là 01 thanh sắt dạng ống tuýp đường kính 02cm, dài 86cm do T giao nộp không phải là vật chứng của vụ án này nhưng là vật chứng của vụ án khác nên tiếp tục quản lý tại Chi cục thi hành án để giải quyết trong vụ án khác theo quy định pháp luật.

[V] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm c khoản 3 điều 134; Điểm s khoản 1, 2 điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015.

- Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Văn T phạm tội : "Cố ý gây thương tích"

- Xử phạt: Bị cáo Đỗ Văn T 05(Năm) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 16/3/2018.

- Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 590; Điều 357 Bộ luật dân sự:

Buộc bị cáo Đỗ Văn T phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe và tinh thần cho người bị hại là anh Đặng Quang H gồm: Tiền thuốc điều trị 7.919.000đ; Viện phí 15.226.0000đ; Tiền xe 15.400.000đ; Thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc 1.800.000đ; Thu nhập thực tế bị mất của người bị hại

18.394.000đ; Phục hồi chức năng là 761.432đ; Bù đắp tổn thất tinh thần là 25.020.000đ; Tổng = 84.520.000đ. Gia đình bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền 8.000.000đ bồi thường cho bị hại, số tiền còn lại 76.520.000đ bị cáo bồi thường tiếp cho người bị hại.

Anh Đặng Quang H được nhận số tiền 8.000.000đ tại chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên lai thu tiền số AA/2010/008999 ngày 22/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T .

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

- Về xử lý vật chứng: Tiếp tục quản lý 01 thanh sắt dạng ống tuýp đường kính 02cm, dài 86cm. Thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng số 10 và Phiếu nhập kho số PNK10 ngày 08/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.
- Về án phí: Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS; Điểm a, c khoản 1 điều 23 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc bị cáo Đỗ Văn T phải chịu 200.000đ án phí HSST và 3.826.000đ án phí DSST, tổng là 4.026.000đ.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND;
- THA dân sự;
- THA hình sự Công an huyện Thọ Xuân
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng